

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025



Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	14 - 58

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG

TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 5 năm 1993 và các lần sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 26 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 9 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con là:

- ▶ Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- ▶ Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- ▶ Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- ▶ Các hoạt động viễn thông.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam và một chi nhánh tại Tòa A – Lô Vb.27b-28-29, Đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch
Ông Gum Ki Ho	Thành viên
Ông Kwon Oh Soo	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên
Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên
Ông Lê Việt Hà	Thành viên
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Mai Thu Hà	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên
Ông Tạ Hoàng Linh	Thành viên

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Điều hành Tập đoàn (*)	
Ông Hồ Thanh Tùng	Phó Chủ tịch Điều hành cấp cao Tập đoàn kiêm Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Trọng Hiếu	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn Giám đốc Quản trị Tập đoàn	
Ông Đặng Ngọc Bảo	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2025
Ông Phạm Ngọc Bắc	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2025
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Chủ tịch cấp cao Tập đoàn	
Ông Đặng Tùng Sơn	Giám đốc Chiến lược	
Ông Đặng Văn Tú	Phó Chủ tịch cấp cao Tập đoàn Giám đốc Công nghệ	
Ông Nguyễn Minh Tuệ	Phó Chủ tịch cấp cao Tập đoàn Giám đốc Tài chính	
Ông Đặng Minh Tuấn	Phó Chủ tịch cấp cao Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2025
Ông Phó Đức Kiên	Phó Chủ tịch Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2025
Ông Trần Quốc Chính	Phó Chủ tịch Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2025
Ông Lê Anh Linh	Phó Chủ tịch Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2025
Ông Lê Anh Tuấn	Phó Chủ tịch Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2025
Ông Nguyễn Hải Sơn	Phó Chủ tịch Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2025
Ông Nguyễn Việt Bách	Phó Chủ tịch Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2025

(*) Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC và các công ty con.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trung Chính, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Chủ tịch Điều hành Tập đoàn và Ông Hồ Thanh Tùng, Phó Chủ tịch Điều hành cấp cao Tập đoàn kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 9 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Thay mặt Ban Điều hành:

Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 11 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11887657/68680872/LR - HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 27 tháng 11 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 58, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 9 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ vào kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 11 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 9 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.413.244.869.760	3.791.498.827.125
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	582.893.745.801	781.437.920.271
111	1. Tiền		524.867.345.801	686.950.920.271
112	2. Các khoản tương đương tiền		58.026.400.000	94.487.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.418.869.824.621	1.271.526.984.742
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	1.418.869.824.621	1.271.526.984.742
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.880.636.035.775	1.325.869.748.381
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	1.613.754.716.428	1.185.106.267.547
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	147.438.515.033	83.840.928.244
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	171.261.309.797	106.368.931.411
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.3	(51.818.505.483)	(49.446.378.821)
140	IV. Hàng tồn kho	9	394.199.953.562	280.043.610.880
141	1. Hàng tồn kho		394.199.953.562	280.043.610.880
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		136.645.310.001	132.620.562.851
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	80.901.249.889	79.654.623.336
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		53.686.469.108	51.693.002.265
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2.057.591.004	1.272.937.250

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 9 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.163.966.237.571	3.885.556.124.586
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		30.039.305.282	25.969.380.561
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	30.039.305.282	25.969.380.561
220	II. Tài sản cố định		2.369.935.672.904	2.224.006.500.737
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.962.907.097.840	1.795.364.746.583
222	Nguyên giá		4.178.491.768.403	3.839.857.192.420
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.215.584.670.563)	(2.044.492.445.837)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	407.028.575.064	428.641.754.154
228	Nguyên giá		706.397.244.556	703.256.992.083
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(299.368.669.492)	(274.615.237.929)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.061.573.285.106	1.120.806.486.475
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		809.122.989	190.000.000
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	1.060.764.162.117	1.120.616.486.475
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		305.212.901.156	94.006.298.260
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	13	83.212.901.156	92.006.298.260
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	222.000.000.000	2.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		397.205.073.123	420.767.458.553
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	396.995.131.535	420.493.252.663
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	71.463.167	86.852.731
269	3. Lợi thế thương mại		138.478.421	187.353.159
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.577.211.107.331	7.677.054.951.711

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 9 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.711.621.687.815	3.999.539.286.547
310	I. Nợ ngắn hạn		3.634.542.896.393	3.056.272.394.922
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	833.752.632.579	692.588.597.536
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	140.141.674.838	135.109.832.837
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	90.188.832.155	56.021.921.588
314	4. Phải trả người lao động		225.837.490.035	275.462.596.951
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	744.950.898.207	627.587.519.069
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	196.138.373.304	241.948.362.350
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	113.871.339.640	83.336.683.717
320	8. Vay ngắn hạn	20	1.225.830.087.125	898.099.854.141
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	9.300.042.515	6.515.814.267
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	54.531.525.995	39.601.212.466
330	II. Nợ dài hạn		1.077.078.791.422	943.266.891.625
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	29.438.745.210	25.827.536.162
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	18.178.688.204	18.094.076.286
338	3. Vay dài hạn	20	997.660.862.668	873.831.927.858
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.3	25.195.148.235	25.513.351.319
343	5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	23	6.605.347.105	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 9 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.865.589.419.516	3.677.515.665.164
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	3.865.589.419.516	3.677.515.665.164
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.117.839.070.000	2.113.396.070.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.117.839.070.000	2.113.396.070.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		27.062.540.400	27.062.540.400
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		371.662.664.388	371.662.664.388
415	4. Cổ phiếu quỹ		(388.000.000)	(388.000.000)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(7.427.807.225)	(2.329.285.651)
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		553.460.633.688	413.313.754.015
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		369.315.265.871	64.673.198.003
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		184.145.367.817	348.640.556.012
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		803.380.318.265	754.797.922.012
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.577.211.107.331	7.677.054.951.711

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 11 năm 2025



Nguyễn Hồng Phương
Người lập kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tuệ
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	4.630.231.474.261	3.981.710.539.959
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	4.630.231.474.261	3.981.710.539.959
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(3.821.129.937.443)	(3.313.541.026.454)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		809.101.536.818	668.169.513.505
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	68.985.804.596	59.223.920.515
22	7. Chi phí tài chính	28	(55.407.172.962)	(48.215.636.477)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(41.455.469.665)	(38.536.479.475)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	13	22.061.932.897	19.077.461.656
25	9. Chi phí bán hàng	29	(286.683.165.907)	(254.121.841.929)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(281.230.301.460)	(243.067.026.866)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		276.828.633.982	201.066.390.404
31	12. Thu nhập khác		1.176.892.213	3.061.146.507
32	13. Chi phí khác		(1.714.615.884)	(4.855.350.102)
40	14. Lỗ khác		(537.723.671)	(1.794.203.595)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		276.290.910.311	199.272.186.809
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.2	(43.865.959.764)	(26.721.891.036)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.3	302.813.523	280.511.864

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (Trình bày lại)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		232.727.764.070	172.830.807.637
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		184.145.367.817	142.100.659.170
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		48.582.396.253	30.730.148.467
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	871	588
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	33	871	588



Nguyễn Hồng Phương
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tuệ
Giám đốc Tài chính



Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 11 năm 2025



Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		276.290.910.311	199.272.186.809
02	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại) và phân bổ tiền thuê đất dài hạn		199.039.422.845	197.175.300.223
03	Các khoản trích lập/(hoàn nhập) dự phòng		5.156.354.910	(548.704.869)
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.660.267.869	(12.139.343.543)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(62.863.014.401)	(52.834.411.511)
06	Chi phí lãi vay	28	41.455.469.665	38.536.479.475
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		461.739.411.199	369.461.506.584
09	Tăng các khoản phải thu		(538.163.318.067)	(509.364.645.366)
10	Tăng hàng tồn kho		(114.156.342.682)	(73.967.480.724)
11	Tăng các khoản phải trả		335.658.634.063	471.401.117.892
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		20.198.798.153	(32.471.437.164)
14	Tiền lãi vay đã trả		(53.723.655.448)	(35.091.055.923)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(31.965.426.167)	(33.366.699.935)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(22.462.827.505)	(28.082.253.879)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		57.125.273.546	128.519.051.485
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(397.635.225.292)	(326.794.845.015)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(739.375.468.170)	(1.094.604.675.342)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		372.032.628.291	1.012.899.275.561
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		48.535.649.757	55.777.581.907
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(716.442.415.414)	(352.722.662.889)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		4.443.000.000	4.553.000.000
33	Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	(418.000.000)
34	Tiền thu từ đi vay		1.683.901.764.978	1.644.410.788.668
36	Tiền trả nợ gốc vay		(1.232.342.597.184)	(1.372.136.363.593)
	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(71.313.600)	(57.998.811)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		455.930.854.194	276.351.426.264
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(203.386.287.674)	52.147.814.860
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		781.437.920.271	510.579.888.457
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.842.113.204	3.830.389.450
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	582.893.745.801	566.558.092.767

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 11 năm 2025




Nguyễn Hồng Phương
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tuệ
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 5 năm 1993 và các lần sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 26 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 9 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con là:

- ▶ Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- ▶ Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- ▶ Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- ▶ Các hoạt động viễn thông.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam và một chi nhánh tại Tòa A – Lô Vb.27b-28-29, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 là 5.034 (ngày 31 tháng 3 năm 2025: 4.856).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty có 17 công ty con (ngày 31 tháng 3 năm 2025: 15 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Hà Nội	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (i)	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ viễn thông	54,63%	54,63%
Công ty TNHH CMC Global	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Consulting	Hà Nội	Dịch vụ và phân phối các sản phẩm phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Blue France (ii)	Cộng hòa Pháp	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài BPO, ITO	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Hà Nội	Nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới thuộc các lĩnh vực ICT	100%	100%
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Hà Nội	Cung cấp giải pháp an toàn an ninh thông tin	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC Japan (iii)	Nhật Bản	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Châu Á Thái Bình Dương (iii)	Singapore	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC Korea (iii)	Hàn Quốc	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Global Malaysia SDN.BHD (iii) (iv)	Malaysia	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Đà Nẵng	Cung cấp linh kiện điện tử	100%	100%
Công ty TNHH CMC Education	Hà Nội	Đào tạo đại học	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC (iii)	Hà Nội	Đào tạo đại học	78,71%	78,71%
Trường Đại học CMC (iii)	Hà Nội	Đào tạo đại học	72,67%	92,33%
Công ty TNHH Hạ tầng số CMC AI	Hà Nội	Hạ tầng số	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC OpenAI (iii) (v)	Hà Nội	Xuất bản phần mềm	99%	99%

(i) Tỷ lệ lợi ích 54,63% bao gồm phần sở hữu gián tiếp thông qua Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC với tỷ lệ 9,1%.

(ii) Công ty TNHH Blue France đã tạm dừng hoạt động.

(iii) Công ty gián tiếp nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại các đơn vị này thông qua các công ty con lần lượt là Công ty TNHH CMC Global, Công ty TNHH CMC Education và Công ty TNHH Hạ tầng số CMC AI.

(iv) Vào ngày 13 tháng 6 năm 2025, Công ty TNHH CMC Châu Á Thái Bình Dương - một công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn, đã thành lập công ty CMC Global Malaysia SDN.BHD. Hoạt động chính của Công ty TNHH CMC Global Malaysia SDN.BHD là cung cấp các dịch vụ phát triển phần mềm, thiết kế phần mềm và các dịch vụ giải pháp công nghệ thông tin cũng như kinh doanh máy tính, phần mềm và thiết bị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

- (v) Vào ngày 31 tháng 7 năm 2025, Chủ tịch của Công ty Hạ tầng số CMC AI - một công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn, đã ban hành Quyết định số 01/2025/CMC ADI/QĐ-CT về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần CMC OpenAI, với tổng vốn điều lệ là 100.000.000.000 VND. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần CMC OpenAI là xử lý dữ liệu, cho thuê hạ tầng số và các hoạt động liên quan. Đến ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty Hạ tầng số CMC AI vẫn đang thực hiện các thủ tục góp vốn vào Công ty Cổ phần CMC OpenAI.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm sau.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2.6 Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ được thực hiện như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- ▶ Vốn chủ sở hữu được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch tại ngày góp vốn;
- ▶ Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm, hàng hóa áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 48 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	3 - 15 năm
Thiết bị quản lý	2 - 8 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 - 15 năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Tài sản cố định khác	3 - 8 năm
Quyền phát triển dự án	38 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11 tháng 8 năm 2011 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là từ năm (5) năm đến mười (10) năm. Định kỳ, Tập đoàn phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại các công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.12 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Tập đoàn sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất giữa niên độ thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các khoản dự phòng

Dự phòng chung

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng chi phí bảo hành

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa là dự phòng chi phí cho những sản phẩm, hàng hóa đã cung cấp hoặc đã bán giao cho người mua nhưng còn trong thời hạn bảo hành và Công ty vẫn có nghĩa vụ phải tiếp tục sửa chữa, hoàn thiện theo hợp đồng hoặc theo cam kết với khách hàng.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 *Quỹ phát triển khoa học và công nghệ*

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014, Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016 và Thông tư 05/2022/TT-BKHCN do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2022. Số tiền trích quỹ hàng năm được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và được trích lập từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3.18 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ sản xuất, gia công phần mềm

Doanh thu cung cấp dịch vụ sản xuất, gia công phần mềm được ghi nhận dựa trên khối lượng công việc hoàn thành và được khách hàng nghiệm thu.

Doanh thu phí thuê bao của khách hàng sử dụng dịch vụ viễn thông

Doanh thu phí thuê bao hàng tháng của khách hàng sử dụng dịch vụ viễn thông được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê bao của từng khách hàng.

Doanh thu cước kết nối dịch vụ viễn thông

Doanh thu cước kết nối dịch vụ viễn thông được ghi nhận khi có phát sinh dịch vụ kết nối, tương ứng với giá trị cước kết nối mà Tập đoàn được hưởng dựa vào biên bản đối soát hàng tháng giữa Tập đoàn và các đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông khác.

Doanh thu cung cấp các dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc hoàn thành thực tế và được xác nhận bởi khách hàng theo từng hợp đồng tại ngày báo cáo.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu cho thuê văn phòng

Thu nhập từ tiền cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Tiền mặt	3.213.795.410	2.756.519.788
Tiền gửi ngân hàng	521.653.550.391	684.194.400.483
Các khoản tương đương tiền (*)	58.026.400.000	94.487.000.000
TỔNG CỘNG	582.893.745.801	781.437.920.271

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND với kỳ hạn từ 1 đến 2 tháng và hưởng lãi suất từ 3,2%/năm đến 4,5%/năm (ngày 31 tháng 3 năm 2025: từ 2,0% đến 4,7%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025		Ngày 31 tháng 3 năm 2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Đầu tư ngắn hạn (*)	1.418.869.824.621	1.418.869.824.621	1.271.526.984.742	1.271.526.984.742
TỔNG CỘNG	1.418.869.824.621	1.418.869.824.621	1.271.526.984.742	1.271.526.984.742
Dài hạn				
Đầu tư dài hạn (**)	222.000.000.000	222.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
TỔNG CỘNG	222.000.000.000	222.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000

(*) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm:

- Các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng, hưởng lãi suất từ 1,22%/năm đến 6,45%/năm (ngày 31 tháng 3 năm 2025: từ 3,06%/năm đến 6,45%/năm);
- Các khoản tiền gửi bằng USD có kỳ hạn gốc 6 tháng, hưởng lãi suất 0%.

(**) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ 24 tháng đến 36 tháng, hưởng lãi suất từ 4,90%/năm đến 7,30%/năm (ngày 31 tháng 3 năm 2025: 4,90%/năm).

Tập đoàn đã sử dụng một số khoản tiền gửi để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại các ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	1.611.927.688.447	1.182.982.471.804
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	1.827.027.981	2.123.795.743
TỔNG CỘNG	1.613.754.716.428	1.185.106.267.547
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(47.604.185.483)	(45.232.058.821)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Trả trước cho người bán ngắn hạn	147.370.702.006	83.810.128.244
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	67.813.027	30.800.000
TỔNG CỘNG	147.438.515.033	83.840.928.244

6.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Số đầu kỳ	49.446.378.821	45.642.143.230
Trích lập dự phòng trong kỳ	3.072.814.363	15.247.990.960
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(700.687.701)	(11.443.755.369)
Số cuối kỳ	51.818.505.483	49.446.378.821
Trong đó		
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)	(47.604.185.483)	(45.232.058.821)
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)	(4.214.320.000)	(4.214.320.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025		Ngày 31 tháng 3 năm 2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Các khoản tạm ứng	81.580.454.509	-	47.072.618.908	-
Lãi dự thu	45.177.706.981	-	22.055.308.021	-
Ký quỹ, ký cược	7.680.695.618	-	6.981.555.221	-
Phải thu doanh thu chưa xuất hóa đơn	4.377.557.435	-	3.592.670.739	-
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	28.944.895.254	(714.320.000)	23.166.778.522	(714.320.000)
TỔNG CỘNG	171.261.309.797	(4.214.320.000)	106.368.931.411	(4.214.320.000)
<i>Trong đó</i>				
Phải thu khác	169.047.151.970	(4.214.320.000)	104.042.454.800	(4.214.320.000)
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	2.214.157.827	-	2.326.476.611	-
Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược	30.039.305.282	-	25.969.380.561	-
TỔNG CỘNG	30.039.305.282	-	25.969.380.561	-

8. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025		Ngày 31 tháng 3 năm 2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu cước viễn thông quá hạn từ khách hàng	41.839.972.384	13.560.525.595	40.039.806.966	13.998.915.823
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khác	25.914.933.750	2.375.875.056	25.726.996.222	2.321.508.544
TỔNG CỘNG	67.754.906.134	15.936.400.651	65.766.803.188	16.320.424.367

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025		Ngày 31 tháng 3 năm 2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	224.574.893.328	-	129.846.773.486	-
Nguyên liệu, vật liệu và máy móc thiết bị, vật tư	116.803.198.287	-	53.729.440.427	-
Hàng hóa	47.384.092.427	-	94.166.903.005	-
Công cụ, dụng cụ	3.678.290.689	-	715.353.549	-
Hàng mua đang đi đường	1.759.478.831	-	1.585.140.413	-
TỔNG CỘNG	394.199.953.562	-	280.043.610.880	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

						Đơn vị tính: VND	
						Tài sản cố định khác	Tổng cộng
						Thiết bị quản lý	
						Phương tiện vận tải, truyền dẫn	
						Máy móc, thiết bị	
						Nhà cửa, vật kiến trúc	
Nguyên giá:							
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025						594.480.038.725	2.423.439.360.462
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						-	327.252.787.513
- Mua trong kỳ						-	3.631.278.004
- Thanh lý, nhượng bán						-	-
- Tàng khác						240.545.348	298.002.129
- Giảm khác						(44.129.456)	(202.034.507)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025						594.676.454.617	2.754.419.393.601
Trong đó:							
Đã khấu hao hết						5.138.716.983	621.045.796.938
Giá trị khấu hao lũy kế:							
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025						125.000.217.979	1.392.171.757.674
- Khấu hao trong kỳ						13.586.953.843	134.869.301.926
- Thanh lý, nhượng bán						-	-
- Tàng khác						24.544.734	74.694.624
- Giảm khác						(4.836.105)	(31.338.644)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025						138.606.880.451	1.527.084.415.580
Giá trị còn lại:							
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025						469.479.820.746	1.031.267.602.788
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025						456.069.574.166	1.227.334.978.021

Tập đoàn đã sử dụng phần lớn diện tích nhà cửa, vật kiến trúc là Tòa nhà CMC Tower, số 11 Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam và Tòa nhà "Không gian sáng tạo CMC tại Thành phố Hồ Chí Minh - CMC Creative Space HCM" tại lô Vb.27B-28-29, Đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam làm văn phòng cho các công ty con trong Tập đoàn sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, một số tài sản cố định hữu hình được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 20).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế, quyền khai thác	Nhãn hiệu, tên thương mại	Phần mềm máy tính	Quyền phát triển dự án (*)	Tài sản cố định vô hình khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:						Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	220.918.832.762	551.086.545	179.818.624.722	266.342.703.401	35.625.744.653	703.256.992.083
- Mua trong kỳ	500.000.000	-	155.400.000	-	-	655.400.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	1.876.664.453	-	602.297.082	2.478.961.535
- Thanh lý, nhượng bán	(82.110.000)	-	-	-	-	(82.110.000)
- Tăng khác	-	-	88.000.938	-	-	88.000.938
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025	221.336.722.762	551.086.545	181.938.690.113	266.342.703.401	36.228.041.735	706.397.244.556
Trong đó:						
Đã hao mòn hết	49.282.744.478	551.086.545	45.568.056.048	-	10.922.879.255	106.324.766.326
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	156.895.093.569	551.086.545	67.097.293.776	25.869.544.147	24.202.219.892	274.615.237.929
- Hao mòn trong kỳ	1.406.557.163	-	12.772.892.324	3.504.509.256	7.098.426.362	24.782.385.105
- Thanh lý, nhượng bán	(82.110.000)	-	-	-	-	(82.110.000)
- Tăng khác	-	-	53.156.458	-	-	53.156.458
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025	158.219.540.732	551.086.545	79.923.342.558	29.374.053.403	31.300.646.254	299.368.669.492
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	64.023.739.193	-	112.721.330.946	240.473.159.254	11.423.524.761	428.641.754.154
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025	63.117.182.030	-	102.015.347.555	236.968.649.998	4.927.395.481	407.028.575.064

(*) Đây là giá trị quyền phát triển dự án của Trường Đại học CMC được xác định tại ngày mua các công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC và Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Á Châu (tên hiện tại là Trường Đại học CMC) vào ngày 21 tháng 2 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Dự án "Tổ hợp không gian sáng tạo CMC tại Hà Nội – CMC Creative Space Hanoi" (*)	670.231.047.511	629.748.385.199
Dự án "Không gian sáng tạo CMC tại Thành phố Hồ Chí Minh - CMC Creative Space HCM" (**)	291.378.279.383	288.178.705.040
Cải tạo văn phòng và xây dựng trung tâm dữ liệu (***)	29.298.333.800	129.935.362.202
Mua sắm tài sản cố định	15.950.427.968	13.616.435.545
Các dự án khác	53.906.073.455	59.137.598.489
TỔNG CỘNG	1.060.764.162.117	1.120.616.486.475

(*) Đây là dự án xây dựng Khu phức hợp văn phòng, trung tâm thương mại của Công ty tại Khu trung tâm Khu đô thị Tây Hồ Tây, Phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội.

(**) Đây là một phần dự án xây dựng tòa nhà văn phòng của Công ty tại Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh. Công ty đã sử dụng toàn bộ các tài sản sẽ được hình thành từ Dự án này làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

(***) Đây là các chi phí cải tạo văn phòng và trung tâm dữ liệu mới vận hành tại dự án DC Tân Thuận của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC.

Trong kỳ, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay thuần với giá trị là 10,9 tỷ VND cho Dự án "Không gian sáng tạo CMC tại Thành phố Hồ Chí Minh - CMC Creative Space HCM" và Dự án "Tổ hợp không gian sáng tạo CMC tại Hà Nội – CMC Creative Space Hanoi".

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Netnam, là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100896284 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 6 năm 2010. Công ty này có trụ sở chính tại Tầng 2, tòa nhà HITC, số 239 đường Xuân Thủy, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh có địa chỉ tại số 10A Nguyễn Thị Minh Khai, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ mạng internet. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty nắm 41,14% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty liên kết này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

Đơn vị tính: VND
Công ty Cổ phần
Netnam

Giá trị đầu tư:

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và ngày 30 tháng 9 năm 2025 7.258.356.000

Phần lợi nhuận lũy kế trong công ty liên kết:

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 84.747.942.260
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết 24.764.312.457
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (2.702.379.560)
Cổ tức nhận được trong kỳ (30.855.330.001)

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 75.954.545.156

Giá trị còn lại

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 92.006.298.260

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 83.212.901.156

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ xuất dùng 6.806.342.743 13.504.727.541
Chi phí thuê nhà, thuê cơ sở hạ tầng 14.134.753.568 16.217.575.447
Chi phí bản quyền phần mềm 33.584.889.900 21.287.942.015
Chi phí trả trước ngắn hạn khác 26.375.263.678 28.644.378.333

TỔNG CỘNG

80.901.249.889 79.654.623.336

Dài hạn

Chi phí thuê kênh, thuê server 199.235.992.927 197.487.526.188
Công cụ, dụng cụ xuất dùng 64.850.423.521 84.806.335.168
Tiền thuê đất trả trước 69.527.040.239 71.579.736.654
Chi phí cải tạo văn phòng 18.790.541.386 26.941.478.514
Chi phí trả trước dài hạn khác 44.591.133.462 39.678.176.139

TỔNG CỘNG

396.995.131.535 420.493.252.663

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025		Ngày 31 tháng 3 năm 2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	833.177.220.024	833.177.220.024	691.892.358.336	691.892.358.336
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	575.412.555	575.412.555	696.239.200	696.239.200
TỔNG CỘNG	833.752.632.579	833.752.632.579	692.588.597.536	692.588.597.536

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	140.141.674.838	135.102.212.541
- Ngân hàng TMCP Quân đội	25.726.470.000	-
- Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	7.697.400.000	-
- Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	7.240.000.000	-
- Công ty TNHH GBST Việt Nam	7.488.160.172	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	91.989.644.666	135.102.212.541
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 32)	-	7.620.296
TỔNG CỘNG	140.141.674.838	135.109.832.837

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/cần trừ trong kỳ	Ngày 30 tháng 9 năm 2025
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.072.206.837	43.865.959.764	(31.965.426.167)	39.972.740.434
Thuế giá trị gia tăng	10.519.533.164	151.181.030.687	(148.451.807.418)	13.248.756.433
Thuế nhà thầu	4.928.021.226	48.654.399.987	(31.389.216.963)	22.193.204.250
Thuế thu nhập cá nhân	9.633.102.399	87.464.666.789	(86.290.843.609)	10.806.925.579
Thuế khác	2.869.057.962	26.149.176.304	(25.051.028.807)	3.967.205.459
TỔNG CỘNG	56.021.921.588	357.315.233.531	(323.148.322.964)	90.188.832.155

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Chi phí thuê ngoài, mua ngoài	382.480.437.716	387.531.256.863
Chi phí các dự án tích hợp	109.984.200.415	108.247.442.028
Chi phí lương thưởng	82.821.154.272	41.451.997.982
Trích trước giá trị tài sản đã hoàn thành	2.592.724.558	3.293.015.036
Trích trước giá vốn dịch vụ viễn thông	118.053.782.542	55.967.685.908
Các chi phí phải trả khác	49.018.598.704	31.096.121.252
TỔNG CỘNG	744.950.898.207	627.587.519.069

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Ngắn hạn		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.597.965.242	1.669.278.842
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19.880.365.024	17.395.949.686
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	18.310.781.564	16.717.785.465
Kinh phí công đoàn	4.536.197.015	3.279.531.412
Các khoản phải trả khác	69.546.030.795	44.274.138.312
TỔNG CỘNG	113.871.339.640	83.336.683.717
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	18.178.688.204	18.094.076.286
TỔNG CỘNG	18.178.688.204	18.094.076.286
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan</i>		
<i>(Thuyết minh số 32)</i>	357.654.960	357.654.960
<i>Phải trả dài hạn khác cho các bên khác</i>	17.821.033.244	17.736.421.326

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước về cung cấp dịch vụ viễn thông	126.328.070.384	161.175.989.859
Doanh thu nhận trước về cho thuê văn phòng	3.657.665.780	3.422.196.028
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ khác	66.152.637.140	77.350.176.463
TỔNG CỘNG	196.138.373.304	241.948.362.350
Dài hạn		
Doanh thu nhận trước về cung cấp dịch vụ viễn thông	29.438.745.210	25.827.536.162
TỔNG CỘNG	29.438.745.210	25.827.536.162

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY

	Ngày 31 tháng 3 năm 2025		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 9 năm 2025		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngắn hạn ngắn hạn (Thuyết minh số 20.1)	655.121.376.399	655.121.376.399	1.265.702.969.752	(1.029.759.794.821)	891.064.551.330	891.064.551.330	
Vay đối tượng khác (Thuyết minh số 20.2)	116.291.767.858	116.291.767.858	3.405.386.027	(65.396.368.422)	54.300.785.463	54.300.785.463	
Vay ngắn hạn dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20.3)	126.686.709.884	126.686.709.884	217.141.633.791	(63.363.593.343)	280.464.750.332	280.464.750.332	
TỔNG CỘNG	898.099.854.141	898.099.854.141	1.486.249.989.570	(1.158.519.756.586)	1.225.830.087.125	1.225.830.087.125	
Vay dài hạn							
Vay ngắn hạn dài hạn (Thuyết minh số 20.3)	791.785.518.570	791.785.518.570	412.258.890.961	(287.844.837.177)	916.199.572.354	916.199.572.354	
Vay đối tượng khác (Thuyết minh số 20.2)	82.046.409.288	82.046.409.288	2.534.518.238	(3.119.637.212)	81.461.290.314	81.461.290.314	
TỔNG CỘNG	873.831.927.858	873.831.927.858	414.793.409.199	(290.964.474.389)	997.660.862.668	997.660.862.668	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 9 năm 2025 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	179.252.378.174	Gốc vay có kỳ hạn 3 đến 6 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 15 tháng 2 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	3,7 - 5,36%	Tín chấp và hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam.
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	33.249.524.532	Gốc vay có kỳ hạn 6 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 26 tháng 3 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	4,5%	Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	179.386.572.214	Gốc vay có kỳ hạn 4 đến 6 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 27 tháng 2 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	3,8 - 5,6%	Tín chấp và hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank Việt Nam	95.708.045.788	Gốc vay có kỳ hạn 5 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 27 tháng 2 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	4,2 - 4,5%	Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank Việt Nam.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	87.517.169.791	Gốc vay có kỳ hạn 3 đến 6 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 30 tháng 3 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	1,3 - 4,4%	Tín chấp.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	79.070.946.148	Gốc vay có kỳ hạn 7 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 18 tháng 2 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	4,5 - 4,8%	Tín chấp.
Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam	6.084.778.559	Gốc vay có kỳ hạn 5 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 6 tháng 2 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	6,0%	Tín chấp.
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	40.232.593.661	Gốc vay có kỳ hạn 4 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 27 tháng 2 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	5,0%	Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam.
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	112.414.871.965	Gốc vay có kỳ hạn 5 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 26 tháng 2 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	4,0 - 4,55%	Tín chấp.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 9 năm 2025 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	3.999.854.443	Gốc vay có kỳ hạn 5 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 10 tháng 2 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	6,9 - 7,9%	Tín chấp.
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	24.405.536.275	Gốc vay có kỳ hạn 4 đến 6 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 28 tháng 2 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	5,5 - 5,54%	Tín chấp.
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank	49.742.279.780	Gốc vay có kỳ hạn 3 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 26 tháng 1 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	1 - 5%	Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank.
TỔNG CỘNG	891.064.551.330			

20.2 Vay đối tượng khác

Đây là các khoản vay từ một số cá nhân với thời hạn vay là từ 1 - 3 năm kể từ ngày giải ngân với khoản vay cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 12 tháng 6 năm 2027. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là từ 6,53% - 6,58%/năm, lãi vay trả hàng quý theo hình thức nhập gốc sau khi đã trừ thuế thu nhập cá nhân.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.3 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 9 năm 2025		Nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	(VND)					
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	260.721.817.143	260.721.817.143	VND	Kỳ hạn vay 44 - 82 tháng. Sau thời gian ân hạn một năm, gốc vay được trả định kỳ 3 tháng/lần, lãi vay được trả hàng tháng, đáo hạn cuối cùng ngày 27 tháng 4 năm 2032.	6,58 - 6,68%	Tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Lô C1A, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội (nay là Tòa nhà CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội).
				Các khoản thu được từ Khu đất theo Hợp đồng thuê đất số 177-2005/TMNTND-HĐĐTĐTN ngày 30/11/2005 và các Phụ lục Hợp đồng thuê đất kèm theo tại Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ phường Cầu Giấy.		
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	400.938.139.456	400.938.139.456	VND	Kỳ hạn vay 44 – 60 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 24 tháng 1 năm 2030. Gốc và lãi được trả hàng quý hoặc 6 tháng/lần tùy vào khoản vay.	6,4 - 6,48%	Máy móc thiết bị được mua từ khoản vay được sử dụng của Công ty Cổ phần Hạ tầng Hạ tầng Viễn thông CMC. Quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 2, Lô Vb.27b-28-29 Đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh và toàn bộ tòa nhà "Không gian sáng tạo CMC tại Thành phố Hồ Chí Minh - CMC Creative Space HCM" được tạo lập trên diện tích đất thuộc Quyền sử dụng đất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.3 Các khoản vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 9 năm 2025		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	(VND)	Nguyên tệ			
Ngân hàng Shinhan – Chi nhánh Phạm Hùng	101.998.079.972	101.998.079.972 VND	Kỳ hạn vay 60 – 72 tháng. Gốc và lãi được trả hàng quý đến ngày 20 tháng 8 năm 2030.	6,8% - 7,29%	Tài sản là máy móc thiết bị được tài trợ bởi Ngân hàng có giá trị là 235 tỷ VND và vốn tự có thuộc sở hữu của Công ty.
					Tài sản là máy móc thiết bị được tài trợ bởi Ngân hàng và vốn tự có thuộc sở hữu của Công ty với giá trị ước tính là 147 tỷ VND.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	44.863.987.993	44.863.987.993 VND	Kỳ hạn vay 72 tháng. Gốc trả hàng quý đến ngày 31 tháng 12 năm 2027. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng.	7,2%	Tài sản thuộc dự án "Phương án đầu tư Thiết bị Viễn thông 2019 – 2021" và Thiết bị viễn thông thuộc dự án DC Tầng 1.
	381.484.089.482	381.484.089.482 VND	Kỳ hạn vay 72 tháng. Gốc vay trả hàng quý đến ngày 25 tháng 7 năm 2031.	5,9% - 6,5%	Thiết bị viễn thông thuộc dự án DC Tầng 4.
Ngân hàng Yokohama	6.658.208.640	39.984.000 JPY	Khoản vay theo chương trình hỗ trợ của Chính phủ Nhật Bản thông qua Ngân hàng Yokohama. Khoản vay đáo hạn vào ngày 1 tháng 3 năm 2031. Lãi vay được trả hàng tháng.	1,5%	Tín chấp.

TỔNG CỘNG

1.196.664.322.686

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn trả 280.464.750.332
- Vay dài hạn 916.199.572.354

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Dự phòng chi phí bảo hành	9.300.042.515	6.515.814.267
TỔNG CỘNG	9.300.042.515	6.515.814.267

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
Số đầu kỳ	39.601.212.466	33.643.673.001
Trích lập quỹ trong kỳ (Thuyết minh số 24.1)	20.888.216.953	27.211.751.039
Sử dụng quỹ trong kỳ	(5.957.903.424)	(15.070.245.123)
Số cuối kỳ	54.531.525.995	45.785.178.917

23. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
Số đầu kỳ	-	4.276.489.467
Trích lập quỹ trong kỳ (Thuyết minh số 24.1)	23.110.271.191	25.891.059.382
Sử dụng quỹ trong kỳ	(16.504.924.086)	(13.012.008.756)
Số cuối kỳ	6.605.347.105	17.155.540.093

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024								
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2024	1.900.269.960.000	27.062.540.400	371.662.664.388	-	(2.802.521.280)	342.109.659.777	705.845.611.961	3.344.147.915.246
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	142.100.659.170	30.730.148.467	172.830.807.637
- Cổ đông không kiểm soát góp thêm vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	-	430.000.000	430.000.000
- Tăng vốn từ phát hành ESOP	4.123.000.000	-	-	-	-	-	-	4.123.000.000
- Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(29.038.357.150)	(29.038.357.150)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(27.211.751.039)	-	(27.211.751.039)
- Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	-	-	-	-	(25.891.059.382)	-	(25.891.059.382)
- Thu hồi cổ phiếu ESOP đã phát hành	-	-	-	(418.000.000)	-	-	-	(418.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(5.264.041.153)	-	-	(5.264.041.153)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2024	1.904.392.960.000	27.062.540.400	371.662.664.388	(418.000.000)	(8.066.562.433)	431.107.508.526	707.967.403.278	3.433.708.514.159

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025								Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	2.113.396.070.000	27.062.540.400	371.662.664.388	(388.000.000)	(2.329.285.651)	413.313.754.015	754.797.922.012	3.677.515.665.164
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	184.145.367.817	48.582.396.253	232.727.764.070
- Tăng vốn từ phát hành ESOP (i)	4.443.000.000	-	-	-	-	-	-	4.443.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	-	(20.888.216.953)	-	(20.888.216.953)
- Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ (ii)	-	-	-	-	-	(23.110.271.191)	-	(23.110.271.191)
- Giảm khác	-	-	-	-	(5.098.521.574)	-	-	(5.098.521.574)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025	2.117.839.070.000	27.062.540.400	371.662.664.388	(388.000.000)	(7.427.807.225)	553.460.633.688	803.380.318.265	3.865.589.419.516

(i) Công ty đã thực hiện tăng vốn thông qua hình thức phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Công ty số 16/2025/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 8 năm 2025.

(ii) Công ty đã thực hiện trích các quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, và quỹ phát triển khoa học công nghệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty số 01/2025/NQ-ĐHĐĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025. Cũng theo Nghị quyết này, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 với tỷ lệ chi trả cổ tức là 10%/cổ phiếu. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai các thủ tục chi trả cổ tức này.

45/42 100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025			Ngày 31 tháng 3 năm 2025		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp của các cổ đông	211.783.907	211.783.907	-	211.339.607	211.339.607	-
TỔNG CỘNG	211.783.907	211.783.907	-	211.339.607	211.339.607	-

24.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	2.113.396.070.000	1.900.269.960.000
Tăng trong kỳ	4.443.000.000	4.123.000.000
Số cuối kỳ	<u>2.117.839.070.000</u>	<u>1.904.392.960.000</u>
Cổ tức đã công bố trong kỳ	-	-
Cổ tức đã trả trong kỳ	71.313.600	57.998.811
Cổ tức, lợi nhuận trả bằng cổ phiếu	-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả bằng tiền	71.313.600	57.998.811

24.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Cổ phiếu đã được duyệt	211.783.907	211.339.607
Cổ phiếu đã phát hành	211.783.907	211.339.607
Cổ phiếu phổ thông	211.783.907	211.339.607
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(38.800)	(38.800)
Cổ phiếu phổ thông	(38.800)	(38.800)
Cổ phiếu đang lưu hành	211.745.107	211.300.807
Cổ phiếu phổ thông	211.745.107	211.300.807

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (Ngày 31 tháng 3 năm 2025: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	7.342.453	6.968.826
- Đô la Singapore (SDG)	435.608	649.440
- Won Hàn Quốc (KRW)	234.345.689	235.709.890
- Euro (EUR)	23.567	25.296
- Yên Nhật (JYP)	152.435.657	195.516.762

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
Tổng doanh thu	4.630.231.474.261	3.981.710.539.959
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.718.266.948.792	2.530.179.783.520
Doanh thu bán hàng hóa	1.911.964.525.469	1.451.530.756.439
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	4.630.231.474.261	3.981.710.539.959
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	4.628.921.778.264	3.978.430.774.393
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 32)	1.309.695.997	3.279.765.566

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	40.802.718.717	34.014.712.573
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	28.183.085.879	24.402.134.461
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	807.073.481
TỔNG CỘNG	68.985.804.596	59.223.920.515

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.051.626.867.075	2.007.193.360.322
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.769.503.070.368	1.306.347.666.132
TỔNG CỘNG	3.821.129.937.443	3.313.541.026.454

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
Chi phí lãi vay	41.455.469.665	38.536.479.475
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.530.195.196	9.649.711.161
Chi phí tài chính khác	1.421.508.101	29.445.841
TỔNG CỘNG	55.407.172.962	48.215.636.477

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
Các khoản chi phí bán hàng	286.683.165.907	254.121.841.929
Chi phí nhân công	206.411.558.758	175.120.871.217
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.097.162.207	52.692.515.269
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.280.215.156	2.573.147.644
Chi phí khác	31.894.229.786	23.735.307.799
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	281.230.301.460	243.067.026.866
Chi phí nhân viên quản lý	177.328.260.720	153.057.560.297
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.414.871.577	28.046.230.965
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	11.784.347.542	12.509.326.724
Chi phí vật liệu quản lý	19.086.362.613	22.252.046.504
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.372.126.662	12.535.551.441
Chi phí khác	40.244.332.346	14.666.310.935
TỔNG CỘNG	567.913.467.367	497.188.868.795

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	214.343.201.943	218.658.600.310
Chi phí nhân công	912.479.905.073	820.315.772.057
Chi phí khấu hao, hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại) và phân bổ tiền thuê đất dài hạn	199.039.422.845	197.175.300.223
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.035.868.369.423	896.739.812.112
Chi phí khác	116.861.861.777	122.260.761.772
TỔNG CỘNG	2.478.592.761.061	2.255.150.246.474

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% tổng thu nhập chịu thuế, ngoại trừ thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị dưới đây:

- ▶ Công ty TNHH CMC Global: thuế suất thuế TNDN là 10% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm trong vòng 15 năm kể từ năm thành lập (năm 2017). Công ty này cũng được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Theo đó, cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty TNHH CMC Global đang được ưu đãi thuế TNDN với thuế suất bằng 5% cho thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm.
- ▶ Trường Đại học CMC: thuế suất thuế TNDN là 10% đối với thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ giáo dục trong suốt thời gian hoạt động.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	43.865.959.764	26.721.891.036
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(302.813.523)	(280.511.864)
TỔNG CỘNG	43.563.146.241	26.441.379.172

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	276.290.910.311	199.272.186.809
Các điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	(30.234.937.878)	(60.922.779.154)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách	277.200.000	167.000.000
Lỗ tính thuế chưa được ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	50.346.174.491	47.004.832.737
Các khoản điều chỉnh tăng khác	194.016.775	1.570.407.221
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập được miễn thuế	(39.690.786.152)	(60.364.238.955)
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	(41.361.542.992)	(49.300.780.157)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	246.055.972.433	138.349.407.655
Lỗ năm trước chuyển sang	(6.870.259.306)	(10.230.316.928)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ	239.185.713.127	128.119.090.727
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế suất 20%	199.473.884.509	128.119.090.727
Thu nhập chịu thuế suất 10%	39.711.828.622	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	43.865.959.764	25.623.818.146
Điều chỉnh thuế theo Biên bản kiểm tra thuế	-	1.098.072.890
Chi phí thuế TNDN hiện hành sau miễn, giảm, điều chỉnh	43.865.959.764	26.721.891.036
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	28.072.206.837	22.446.809.924
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(31.965.426.167)	(33.366.699.935)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	39.972.740.434	15.802.001.025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lợi nhuận từ giao dịch trong nội bộ Tập đoàn chưa thực hiện	71.463.167	86.852.731	(15.389.564)	(40.940.892)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản từ giao dịch hợp nhất kinh doanh	(23.489.903.928)	(23.837.105.184)	347.201.257	350.450.926
Các chênh lệch tạm thời do thời gian khấu hao tài sản	(1.705.244.307)	(1.676.246.135)	(28.998.170)	(28.998.170)
	(25.195.148.235)	(25.513.351.319)		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ			302.813.523	280.511.864

31.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty và các công ty con của Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty và các công ty con của Tập đoàn là Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC, Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC, Công ty TNHH CMC Consulting, Công ty TNHH CMC Đà Nẵng và Trường đại học CMC có các khoản lỗ lũy kế tổng giá trị là 221,6 tỷ VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

<i>Năm/kỳ phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế (*)</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 30/9/2025</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/9/2025</i>
2022	2027	54.707.210.353	(15.524.577.091)	-	39.182.633.262
2023	2028	77.548.134.259	-	-	77.548.134.259
2024	2029	54.598.203.037	-	-	54.598.203.037
6 tháng 2025	2030	50.346.174.491	-	-	50.346.174.491
TỔNG CỘNG		237.199.722.140	(15.524.577.091)	-	221.675.145.049

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty mẹ và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty và các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với giá trị lỗ lũy kế nói trên do chưa dự tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Netnam	Công ty liên kết
Các cá nhân thuộc Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành như đã được đề cập ở phần Thông tin chung	Các cá nhân là nhân sự chủ chốt

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 và ngày 30 tháng 9 năm 2024 bao gồm:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>
Công ty Cổ phần Netnam	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ	419.705.399
		Mua hàng hóa và dịch vụ	2.441.487.563
		Cổ tức được chia	567.388.505
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.855.000.000
		Mua hàng hóa	889.990.598
		Đặt cọc thuê văn phòng	1.951.060.000
			-
			357.654.960

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Tập đoàn bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025, Tập đoàn chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tập đoàn (ngày 31 tháng 3 năm 2025: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Netnam	Công ty liên kết	Phải thu cung cấp dịch vụ	1.817.988.591	2.009.548.919
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Phải thu cung cấp dịch vụ	9.039.390	114.246.824
TỔNG CỘNG			1.827.027.981	2.123.795.743
Trả trước người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)				
Công ty Cổ phần Netnam	Công ty liên kết	Trả trước cho dịch vụ cung cấp	-	30.800.000
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Trả trước cho dịch vụ cung cấp	67.813.027	-
TỔNG CỘNG			67.813.027	30.800.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Phải thu khác	2.214.157.827	2.214.157.827
Công ty Cổ phần Netnam	Công ty liên kết	Phải thu khác	-	112.318.784
TỔNG CỘNG			2.214.157.827	2.326.476.611
Phải trả cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15.1)				
Công ty Cổ phần Netnam	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	575.412.555	424.869.200
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	271.370.000
TỔNG CỘNG			575.412.555	696.239.200
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 15.2)				
Công ty Cổ phần Netnam	Công ty liên kết	Ứng trước tiền mua dịch vụ	-	7.620.296
TỔNG CỘNG			-	7.620.296
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 18)				
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Nhận ký quỹ, ký cược	357.654.960	357.654.960
TỔNG CỘNG			357.654.960	357.654.960

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Điều hành và Ban Kiểm soát trong kỳ:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Hội đồng Quản trị/ Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	218.400.000	210.447.619
Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Lê Việt Hà	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Kwon Oh Soo	Thành viên HĐQT	39.600.000	-
Ông Kim Jung Wuk	Thành viên HĐQT đến ngày 25 tháng 7 năm 2024	-	39.600.000
Ông Gum Ki Ho	Thành viên HĐQT	39.600.000	39.600.000
Ông Hồ Thanh Tùng	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn/Tổng Giám đốc Tập đoàn	-	736.380.953
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	243.000.000	232.380.952
Ông Nguyễn Minh Tuệ	Giám đốc tài chính	558.000.000	448.572.079
Ông Tạ Hoàng Linh	Thành viên Ban kiểm soát	484.200.000	445.638.095
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên Ban kiểm soát	30.000.000	46.500.000
Bà Mai Thu Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	331.800.000	254.300.000
TỔNG CỘNG		2.182.200.000	2.691.019.698

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	184.145.367.817	142.100.659.170
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng HĐQT, BKS (*)	-	(8.513.723.796)
Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ (*)	-	(9.419.399.760)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	184.145.367.817	124.167.535.614
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	211.450.517	211.139.131
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) được điều chỉnh để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	211.450.517	211.139.131
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	871	588
- Lãi suy giảm	871	588

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích các quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ phát triển khoa học công nghệ từ lợi nhuận để lại của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025 và được phân bổ theo tỷ lệ lợi nhuận của 6 tháng đầu năm so với cả năm căn cứ theo phương án phân phối lợi nhuận được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty số 01/2025/NQ ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của công ty con.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 chưa được điều chỉnh do Công ty chưa trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào khác xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực công nghệ, giải pháp và dịch vụ phần mềm			Lĩnh vực hạ tầng số	Các dịch vụ khác	Loại trừ	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025							
Doanh thu							
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.903.104.981.926	1.658.162.173.016	68.964.319.319			-	4.630.231.474.261
Doanh thu giữa các bộ phận	104.337.349.603	14.230.398.218	99.954.194.808			(218.521.942.629)	-
Tổng doanh thu	3.007.442.331.529	1.672.392.571.234	168.918.514.127			(218.521.942.629)	4.630.231.474.261
Kết quả							
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	97.060.450.865	146.620.135.454	1.012.396.908			18.557.019.121	263.250.002.348
Thu nhập, chi phí không phân bổ (i)							13.040.907.963
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							(43.865.959.764)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại							302.813.523
Lợi nhuận sau thuế							232.727.764.070
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025							
Tài sản và công nợ phải trả							
Tài sản bộ phận	1.989.295.910.676	2.788.436.584.942	2.075.257.407.515			-	6.852.989.903.133
Tài sản không phân bổ (ii)							1.724.221.204.198
Tổng tài sản							8.577.211.107.331
Nợ phải trả bộ phận	1.046.900.308.938	1.163.645.058.772	270.308.391.923			-	2.480.853.759.633
Nợ phải trả không phân bổ (iii)							2.230.767.928.182
Tổng nợ phải trả							4.711.621.687.815

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau: (tiếp theo)

Lĩnh vực công nghệ, giải pháp và dịch vụ phần mềm				Lĩnh vực hạ tầng số		Các dịch vụ khác	Loại trừ	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024								
Doanh thu								
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài								
Doanh thu giữa các bộ phận								
Tổng doanh thu								
Kết quả								
Kết quả kinh doanh theo bộ phận								
Thu nhập, chi phí không phân bổ (i)								
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp								
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại								
Lợi nhuận sau thuế								
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025								
Tài sản và công nợ phải trả								
Tài sản bộ phận								
Tài sản không phân bổ (ii)								
Tổng tài sản								
Nợ phải trả bộ phận								
Nợ phải trả không phân bổ (iii)								
Tổng nợ phải trả								

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

- (i) Thu nhập, chi phí không phân bổ chủ yếu bao gồm khoản mục doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý tại công ty mẹ, lợi nhuận từ công ty liên kết và thu nhập, chi phí khác.
- (ii) Tài sản không phân bổ bao gồm các khoản đầu tư tài chính, tài sản thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và lợi thế thương mại.
- (iii) Nợ phải trả không phân bổ là quỹ phát triển khoa học và công nghệ, các khoản vay và thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả.

35. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, Tập đoàn có các khoản cam kết với tổng giá trị là 513,3 tỷ VND liên quan đến việc thực hiện Dự án ""Tổ hợp không gian sáng tạo CMC tại Hà Nội - CMC Creative Space Hanoi" và dự án "Không gian sáng tạo CMC tại Thành phố Hồ Chí Minh - CMC Creative Space HCM".

Cam kết cho thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Dưới 1 năm	52.351.310.001	48.336.975.857
Từ 1 năm – 5 năm	79.872.906.493	37.788.239.100
Trên 5 năm	82.509.091	742.581.818
TỔNG CỘNG	132.306.725.585	86.867.796.775

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Dưới 1 năm	6.899.715.152	18.039.321.695
Từ 1 năm – 5 năm	62.695.559.166	81.560.750.693
Trên 5 năm	259.567.173.338	308.064.044.948
TỔNG CỘNG	329.162.447.655	407.664.117.336

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 8 tháng 10 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐQT về việc phê duyệt mua lại toàn bộ số cổ phần Công ty cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC Telecom mà Công ty TNHH Tổng công ty Công nghệ và Giải pháp CMC đang nắm giữ. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty đang thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện việc mua cổ phần nói trên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2025, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐQT về việc "Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu triển khai dự án CMC Starlake" liên quan đến việc chào bán và phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo hình thức riêng lẻ, với tổng mệnh giá trái phiếu là 1.250.000.000.000 VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty đã hoàn thành việc phát hành trái phiếu nói trên.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 11 năm 2025



Nguyễn Hồng Phương
Người lập kiêm
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tuệ
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn